

**BAO CAO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
kèm theo
**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
kèm theo
**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 974 5081/82 Fax: (04) 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữ niên độ	04 - 05
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm 2017	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2017	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2017	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:**Hội đồng Quản trị**

- | | |
|-------------------------|------------|
| - Ông Bùi Văn Minh | Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Văn Nguyên | Thành viên |
| - Ông Phan Thanh Nam | Thành viên |
| - Ông Hồ Sỹ Huy Thảo | Thành viên |
| - Ông Phạm Hồng Tài | Thành viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| - Ông Hồ Sỹ Huy Thảo | Phó Giám đốc phụ trách |
| - Ông Nguyễn Đình Sơn | Phó Giám đốc |
| - Ông Phan Thanh Nam | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Hòa | Kế toán trưởng |

Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 05/06/2017. Theo đó:

- Vốn điều lệ: **40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)**.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Chăn nuôi lợn: Chăn nuôi lợn siêu nạc; Sản xuất, kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn chuyên giao công nghệ;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chăn nuôi, thiết bị nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp; Nuôi và chế biến thủy sản, gia súc gia cầm, trồng cây và trồng rừng.

Công ty có trụ sở tại: Xóm Vĩnh Cát, Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 29.

Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc.



Số: 253/2017/BCSX/BCTC/CPAHANOI

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco, được lập ngày 12/07/2017, từ trang 06 đến 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ
TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)**

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.941.936.477	57.004.975.269
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.174.015.700	688.426.970
1. Tiền	111		2.174.015.700	688.426.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	8.013.397.222	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.013.397.222	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.383.934.943	4.559.361.998
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	1.694.376.986	2.357.678.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.412.535.091	1.001.056.331
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	696.347.866	1.619.952.660
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137		(419.325.000)	(419.325.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	71.242.525.733	43.513.854.885
1. Hàng tồn kho	141		71.242.525.733	43.513.854.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		128.062.879	243.331.416
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	128.062.879	243.331.416
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.511.054.465	97.902.240.569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.129.323.000	2.584.332.643
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7	2.129.323.000	2.584.332.643
II. Tài sản cố định	220		54.425.400.688	56.587.572.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	54.425.400.688	56.587.572.211
- Nguyên giá	222		77.661.747.420	76.822.493.124
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.236.346.732)	(20.234.920.913)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.956.330.777	38.730.335.715
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	27.956.330.777	38.730.335.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.452.990.942	154.907.215.838

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.116.789.283	83.112.783.513
I. Nợ ngắn hạn	310		118.602.575.663	53.038.569.893
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	50.525.231.164	21.492.507.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	286.804.142	22.413.620
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	127.627.970	812.784.515
4. Phải trả người lao động	314	V.13	4.096.275.871	4.531.833.161
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	19.825.683.713	827.289.742
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	40.000.000.000	24.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.740.952.803	1.351.741.803
II. Nợ dài hạn	330		28.514.213.620	30.074.213.620
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	28.514.213.620	30.074.213.620
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.336.201.659	71.794.432.325
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	22.336.201.659	71.794.432.325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		978.000.000	978.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.048.822.914	9.048.822.914
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.690.621.255)	21.767.609.411
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.995.748.411	988.994.897
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(29.686.369.666)	20.778.614.514
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169.452.990.942	154.907.215.838

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Giám đốc phụ trách


Nguyễn Văn Hòa



Hồ Sỹ Huy Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Mẫu số B02a-DN

Báo cáo tài chính

cho 06 tháng đầu năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II và lũy kế 06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	I	2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.497.801.500	96.584.774.400	115.989.995.720	174.460.368.900
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	930.851.980	337.994.850	1.362.457.100	498.076.250
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	53.566.949.520	96.246.779.550	114.627.538.620	173.962.292.650
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	80.300.272.880	86.411.409.718	137.678.030.079	157.152.332.819
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(26.733.323.360)	9.835.369.832	(23.050.491.459)	16.809.959.831
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	158.171.947	64.529.640	290.434.470	124.917.900
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	1.409.775.067	813.710.055	2.756.834.559	2.113.711.363
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.409.775.067	813.710.055	2.756.834.559	2.113.711.363
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	676.494.000	222.157.992	874.394.000	447.257.610
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	2.044.172.400	1.578.627.711	3.240.417.902	3.014.530.480
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(30.705.592.880)	7.285.403.714	(29.631.703.450)	11.359.378.278
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	-	-	63.636.363	727.272
12.	Chi phí khác	32		-	-	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		-	-	63.636.363	727.272
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.705.592.880)	7.285.403.714	(29.568.067.087)	11.360.105.550
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	735.479.121	118.302.579	1.157.530.555
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(30.705.592.880)	6.549.924.593	(29.686.369.666)	10.202.574.995
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.871		2.915
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(7.676)		(7.422)	

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Giám đốc phụ trách

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Hòa.



Hồ Sỹ Huy Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Mẫu số B03a-DN

Báo cáo tài chính

cho 06 tháng đầu năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2016

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	115.554.232.522	165.956.448.599
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(118.619.031.992)	(124.299.673.257)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(4.530.635.000)	(8.479.315.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(2.756.834.559)	(2.528.015.900)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(786.822.624)	(694.352.493)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.374.679.596	5.676.845.597
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(3.097.293.189)	(3.875.890.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.861.705.246)	31.756.046.665
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(901.786.500)	(44.385.554)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	63.636.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000)	(12.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	555.009.643	1.786.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	290.434.470	28.293.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(92.706.024)	(10.630.092.067)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	6.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	56.972.627.629	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.532.627.629)	(20.522.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.737.464.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.440.000.000	(20.259.464.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.485.588.730	866.489.848
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	688.426.970	6.176.449.759
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.174.015.700	7.042.939.607

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P.Giám đốc phụ trách

(Chữ ký)
Nguyễn Văn Hoa



(Chữ ký)
Nguyễn Thị Huyền Thảo

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 05/06/2017. Theo đó:

Vốn điều lệ: **40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)**.

Công ty có trụ sở tại: Xóm Vĩnh Cát, Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi lợn.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Chăn nuôi lợn: Chăn nuôi lợn siêu nạc; Sản xuất, kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chăn nuôi, thiết bị nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp; Nuôi và chế biến thủy sản, gia súc gia cầm, trồng cây và trồng rừng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- 3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.
- 3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.
Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- 4.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.
- 4.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.
Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- 5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

6.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản

Thời gian KH

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 15 năm

Máy móc, thiết bị

02 - 07 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

05 - 09 năm

Thiết bị quản lý

02 - 05 năm

Vườn cây lâu năm, súc vật

02 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu bán lợm và doanh thu hoạt động tài chính.

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	460.230.500	270.316.000
Tiền gửi Ngân hàng	1.713.785.200	418.110.970
Cộng	2.174.015.700	688.426.970

2. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	8.013.397.222	8.000.000.000
Cộng	8.013.397.222	8.000.000.000

Hợp đồng tiền gửi số 02/2016/HĐVV được ký ngày 10/07/2016, số tiền 7.500.000.000 đồng Lãi suất cho vay 7%/năm. Và Hợp đồng số 16/2191/KHDN được ký ngày 30/12/2016 với số tiền 513.397.222 đồng, thời hạn đến 15/07/2017, lãi suất theo từng thời điểm.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là bên không liên quan chiếm 10% trở lên trên tổng số phải thu khách hàng		
	176.552.468	176.552.468
Trần Hậu Ngân	176.552.468	176.552.468

<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	680.020.000	542.630.000
Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco	413.061.000	468.741.000
Tổng công ty KS và TM Hà Tĩnh - CTCP	266.959.000	73.889.000
<i>Các đối tượng khác</i>	837.804.518	1.638.495.539
Cộng	1.694.376.986	2.357.678.007
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi tiết các khoản trả trước người bán là bên không liên quan chiếm 10% trở lên trên tổng số trả trước cho người bán</i>		
Cty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam-CN Nghệ An	1.319.202.591	565.249.611
<i>Trả trước người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước người bán khác</i>	93.332.500	435.806.720
Cộng	1.412.535.091	1.001.056.331

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5. Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	256.573.866	-	1.149.435.660	-
Phải thu ngắn hạn khác	439.774.000	366.359.000	470.517.000	366.359.000
Cộng	696.347.866	366.359.000	1.619.952.660	366.359.000
6. Hàng tồn kho				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu, trong đó:	7.091.402.332	-	8.631.214.176	-
<i>Nguyên liệu, vật liệu chính</i>	3.066.652.334	-	4.386.896.609	-
<i>Vật liệu phụ</i>	3.466.973.283	-	3.783.137.414	-
<i>Nhiên liệu</i>	13.351.332	-	5.849.516	-
<i>Vật liệu khác</i>	544.425.383	-	455.330.637	-
Công cụ, dụng cụ	197.755.651	-	197.304.709	-
Chi phí SX, KD dở dang	63.953.367.750	-	34.685.336.000	-
Cộng	71.242.525.733	-	43.513.854.885	-

- Chi phí nguyên vật liệu chính: Là thức ăn gia súc để phục vụ cho chăn nuôi, vật tư này luôn ổn định tại các trang trại bình quân 04 - 05 ngày để cho lợn ăn theo đúng quy trình; chỉ hết khi các trại đã xuất bán hết hàng hóa, sản phẩm;
- Chi phí nguyên vật liệu phụ: Là các loại thuốc thú y phòng và chữa bệnh theo quy trình sản xuất; vật tư này luôn được dự trữ tại kho dự phòng số lượng theo định mức sản xuất ổn định cho 20 ngày sử dụng để luôn chủ động phục vụ cho sản xuất;
- Chi phí nhiên liệu, vật tư khác và công cụ dụng cụ: các loại vật tư này luôn có dự trữ tại kho để chủ động cho sản xuất kịp thời;

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7. Phải thu về cho vay dài hạn				
HTX chăn nuôi Hoàng Châu	-	-	75.009.643	-
HTX chăn nuôi & DV Tổng hợp Phú Sơn	434.520.000	-	564.520.000	-
Trại chăn nuôi nái Nguyễn Thị Loan	200.088.000	-	300.088.000	-
Trại chăn nuôi nái Nguyễn Viết Thuận	804.715.000	-	884.715.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Công ty TNHH Phú Sơn TC
VT Nguyễn Viết Huân

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho 6 tháng đầu năm 2017

640.000.000	-	760.000.000
50.000.000	-	-
2.129.323.000	-	2.584.332.643

Cộng

Khoản phải thu về cho vay dài hạn: là khoản cho vay hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng ban đầu cho các đối tác làm trang trại nái chăn nuôi lợn nái gia công liên kết với công ty, thông qua Hợp đồng tín dụng vay vốn không lãi suất với thời hạn thu hồi vốn trong 4 năm từ khi bên vay phát sinh Doanh thu từ chi phí gia công với Công ty và được trừ qua tiền thuê nuôi gia công hàng tháng, với mục tiêu xã hội hóa đầu tư.

- Chi phí sản xuất DD: Là sản phẩm lợn các giai đoạn như: Lợn con theo mẹ 21 ngày tuổi; Lợn giống 63 ngày tuổi; lợn giống hậu bị và lợn thịt thương phẩm chưa đủ điều kiện thời gian; tuần tuổi sinh học xuất theo như quy trình sản xuất.

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm, súc vật	Tổng cộng
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	69.696.490.463	4.630.204.663	1.829.100.695	169.000.000	497.697.303	76.822.493.124
- Mua trong kỳ	737.328.500	164.458.000	-	-	-	901.786.500
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.094.010	-	-	-	5.094.010
- Giảm khác	-	-	-	-	57.438.194	57.438.194
Số dư cuối kỳ	70.433.818.963	4.789.568.653	1.829.100.695	169.000.000	440.259.109	77.661.747.420
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.251.757.266	1.419.582.773	1.398.543.620	52.566.664	112.470.590	20.234.920.913
- Khấu hao trong kỳ	2.420.969.356	366.016.145	129.757.722	37.150.002	110.064.798	3.063.958.023
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.094.010	-	-	-	5.094.010
- Giảm khác	-	-	-	-	57.438.194	57.438.194
Số dư cuối kỳ	19.672.726.622	1.780.504.908	1.528.301.342	89.716.666	165.097.194	23.236.346.732
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	52.444.733.197	3.210.621.890	430.557.075	116.433.336	385.226.713	56.587.572.211
- Tại ngày cuối kỳ	50.761.092.341	3.009.063.745	300.799.353	79.283.334	275.161.915	54.425.400.688

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
 Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho 06 tháng đầu năm 2017

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Chi phí trả trước		
a. Ngắn hạn	128.062.879	243.331.416
Chi phí trả trước ngắn hạn	128.062.879	243.331.416
b. Dài hạn	27.956.330.777	38.730.335.715
Chi phí trả trước dài hạn	27.956.330.777	38.730.335.715
Cộng	28.084.393.656	38.973.667.131

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ và loại súc vật nuôi lâu năm cho ra sản phẩm như (Lợn giống cấp Ông bà; bố mẹ); tài sản, công cụ dụng cụ; có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng, có thời gian sửa dụng trên 1 kỳ kế toán, nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Phải trả người bán ngắn hạn				
	96.370.433.335	96.370.433.335	33.255.565.783	33.255.565.783
<i>Chi tiết các khoản phải trả người bán là bên không liên quan chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán</i>	9.680.167.990	9.680.167.990	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Deheus tại Hải Phòng	9.680.167.990	9.680.167.990	-	-
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	36.165.034.181	36.165.034.181	11.763.058.731	11.763.058.731
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	35.063.404.181	35.063.404.181	10.661.428.731	10.661.428.731
Công ty CP Thiên Ý II	15.834.000	15.834.000	15.834.000	15.834.000
Công ty TNHH ĐT XD & PT Hạ Tầng Mitraco	1.085.796.000	1.085.796.000	1.085.796.000	1.085.796.000
<i>Phải trả người bán khác</i>	4.680.028.993	4.680.028.993	9.729.448.321	9.729.448.321
Cộng	50.525.231.164	50.525.231.164	21.492.507.052	21.492.507.052

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước là bên không liên quan chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước

Công ty CP Tập đoàn Tân Long	271.475.000	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	15.329.142	-
Người mua trả tiền trước khác	286.804.142	22.413.620
Cộng		22.413.620

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
-	6.363.637	6.363.637	-
786.822.624	118.302.579	786.822.624	118.302.579
24.792.875	14.337.100	30.973.600	8.156.375
1.168.875	-	-	1.168.875
-	3.909.702	3.909.702	-
141	4.000.000	4.000.000	141
812.784.515	146.913.018	832.069.563	127.627.970
	Số cuối kỳ		Số đầu năm
	4.096.275.871		4.531.833.161
	4.096.275.871		4.531.833.161

13. Phải trả người lao động

Phải trả cán bộ, công nhân viên			
Cộng			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm
	255.350.499		255.350.499
	255.350.499		255.350.499

14. Phải trả ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội			
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
215.937.496	-	255.350.499	255.350.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho 06 tháng đầu năm 2017

Cổ tức phải trả và các khoản khác	17.305.088.605	17.305.088.605	-
Công ty Phú Sơn TC	-	-	230.339.000
Nái - HTX Chăn nuôi & DV tổng hợp Phú Sơn	-	-	106.901.000
Sở Tài chính UBND Tỉnh Hà Tĩnh	1.890.660.000	1.890.660.000	-
Các khoản phải trả khác	413.997.612	413.997.612	234.699.243
Cộng	19.825.683.713	19.609.746.217	827.289.742

* Khoản phải trả cho Bảo hiểm xã hội là khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN hạch toán tháng 6 sang tháng 7 Công ty mới chuyển trả.

* Cổ tức phải trả là khoản tiền Công ty trích ra để chi trả cổ tức năm 2016 là 43% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2017 và các khoản phải trả khác.

* Khoản tiền của Sở Tài chính UBND tỉnh Hà Tĩnh là khoản tiền hỗ trợ ngành nghề mà UBND tỉnh cấp cho Công ty, nhưng chưa có Quyết định kiểm tra cho Công ty nên Công ty đang hạch toán trên khoản phải trả.

* Các khoản phải trả khác: là các khoản Tiền giữ hộ các hộ chăn nuôi gia công lợn thương phẩm; Kinh phí công đoàn đã trích lập nhưng chưa chuyển trả, CBCNV thanh toán hoàn tạm ứng còn thừa ... đã hạch toán vào chi phí trong quý nhưng chưa chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MISTRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

15. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a.</i> Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	56.972.627.629	40.972.627.629	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (*)	40.000.000.000	40.000.000.000	56.972.627.629	40.972.627.629	24.000.000.000	24.000.000.000
<i>b.</i> Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.514.213.620	28.514.213.620	-	1.560.000.000	30.074.213.620	30.074.213.620
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Hà Tĩnh (**)	28.514.213.620	28.514.213.620	-	1.560.000.000	30.074.213.620	30.074.213.620
Cộng	68.514.213.620	68.514.213.620	56.972.627.629	42.532.627.629	54.074.213.620	54.074.213.620

(*): Hợp đồng tín dụng số 16/2510 được ký ngày 27/01/2016, Hợp đồng tín dụng số 16/2270/KHDN ngày 09/08/2016 hạn mức 20 tỷ đồng, Hợp đồng tín dụng số 16/2190/KHTD ngày 30/12/2016 hạn mức 40 tỷ đồng với thời hạn vay là 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn: vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(**): Hợp đồng tín dụng số HĐ 14/2680/VCB.Hti ngày 28 tháng 09 năm 2014 với số tiền vay 40.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh từng thời kỳ. Mục đích vay vốn để đầu tư xây dựng trung tâm sản xuất lợn giống Mitraco - Giai đoạn I tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu
A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	-	-	9.048.822.914	12.548.994.897	56.597.817.811
- Tăng vốn trong năm trước	5.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	6.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.778.614.514	20.778.614.514
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(22.000.000)	-	-	(11.560.000.000)	(11.582.000.000)
2. Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	978.000.000	-	9.048.822.914	21.767.609.411	71.794.432.325
3. Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	978.000.000	-	9.048.822.914	21.767.609.411	71.794.432.325
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	(19.771.861.000)	(19.771.861.000)
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(29.686.369.666)	(29.686.369.666)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ này	40.000.000.000	978.000.000	-	9.048.822.914	(27.690.621.255)	22.336.201.659

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	51,28%	20.510.000.000	20.510.000.000
Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam	31,50%	12.600.000.000	12.600.000.000
Cổ đông khác	17,23%	6.890.000.000	6.890.000.000
Cộng		40.000.000.000	40.000.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	5.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	9.048.822.914	9.048.822.914
Cộng	9.048.822.914	9.048.822.914

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.989.995.720	174.460.368.900
Cộng	115.989.995.720	174.460.368.900

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.323.721.100	498.076.250
Giảm giá hàng bán	38.736.000	-
Cộng	1.362.457.100	498.076.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.627.538.620	173.962.292.650
4. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	137.678.030.079	157.152.332.819
Cộng	137.678.030.079	157.152.332.819
5. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	290.434.470	124.917.900
Cộng	290.434.470	124.917.900
6. Chi phí hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	2.756.834.559	2.113.711.363
Cộng	2.756.834.559	2.113.711.363
7. Chi phí quản lý bán hàng	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	44.150.000	24.810.000
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.120.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	3.644.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708.839.000	249.551.000
Chi phí bằng tiền khác	121.405.000	168.132.000
Cộng	874.394.000	447.257.610
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.656.239.520	1.807.356.370
Chi phí vật liệu quản lý	107.880.000	172.694.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.147.862	113.355.045
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.502.790	101.656.920
Thuế, phí và lệ phí	40.114.230	32.944.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.684.500	341.358.000
Chi phí bằng tiền khác	702.849.000	445.166.000
Cộng	3.240.417.902	3.014.530.480

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Thu nhập khác	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Thu thanh lý TSCĐ	63.636.363	727.272
Cộng	63.636.363	727.272
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Tổng thu nhập chịu thuế (Quý I năm 2017)	1.183.025.793	11.575.305.550
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Thuế TNDN phải nộp tạm tính	118.302.579	1.157.530.555

VII. Những thông tin khác

1. Giao dịch với các bên liên quan

- Mua hàng hóa dịch vụ	57.975.097.576
Công ty CP Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc:	57.975.097.576
- Bán hàng hóa dịch vụ	488.124.000
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	260.070.000
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	228.054.000

2. Công cụ tài chính

2.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của thành viên góp vốn thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	2.174.015.700	2.174.015.700
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	3.803.259.943	3.383.934.943

2.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 30/06/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	68.514.213.620
Phải trả người bán	50.525.231.164

2.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	50.525.231.164	-	50.525.231.164
Vay và nợ ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	-	28.514.213.620	28.514.213.620

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	49,87%	63,20%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	50,13%	36,80%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	86,82%	53,65%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	13,18%	46,35%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,15	1,86
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,72	1,07
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,12	0,25

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI - MITRACO

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393 478 456 Fax: 02393 648 147

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho 06 tháng đầu năm 2017

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-25,79%	6,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-25,90%	5,86%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-17,45%	7,33%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-17,52%	6,59%

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P.Giám đốc phụ trách

[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Hòa



Hồ Sỹ Huy Thảo